

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn và  
quyền nuôi con giữa bà H và ông  
D”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.
2. Ông Păng Ting Nock.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt , tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:773/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2019 và Quyết Định hoãn phiên tòa số 20/QĐTS-HNGD Ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 114/4 đường L, phường 2B thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Chế Quang D, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 114/4 đường C L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hạnh trình bày:* Bà và ông Chế quang D kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung tại địa chỉ số: 27 V, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nhà cha mẹ chồng. Sau đó do mâu thuẫn với mẹ chồng nên ra ở riêng. Sau khi cưới vợ chồng sống không có hạnh phúc nguyên nhân do ông D thường xuyên rượu

chè về chữi bới và đánh đập bà, bà đã nhiều lần khuyên can và nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Ông D hứa thay đổi bà cho cơ hội trở về sinh sống đến năm 2003 thì sinh con thứ 2, nhưng khoản 7 năm trở lại đây thì ông D tiếp tục tình trạng như trước đây. Nay bà không chịu đựng ông D được nữa, Bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Chế Quang T, sinh ngày 07/7/1995 và Chế Thu H, sinh ngày 24/9/2003. Ly hôn, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông D trợ cấp.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

*Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Chế Quang D trình bày:* Về thời gian và việc kết hôn là đúng như bà H đã trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ sự bất đồng giữa ông và bà H về điều kiện kinh tế, mà không giải quyết được. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì tuổi đã lớn, con cái đã trưởng thành. Ông đã nhận thấy cái sai của bản thân và ông sẽ cố gắng khắc phục.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Chế Quang T, sinh ngày 07/7/1995 và Chế Thu H, sinh ngày 24/9/2003.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa, bà bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng.

Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Chế Quang D. Về con chung giao con tên Chế Thu H, sinh ngày 24/9/2003 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Việc áp dưỡng nuôi con và tài sản chung không có tranh chấp nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Chế Quang D và yêu cầu nuôi con, ông Chế Quang D không đồng ý ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo qui định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Chế Quang D cư trú, sinh sống tại: Số 114/4 đường L, phường 2B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng

Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Ông Chế Quang D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Chế Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 1994 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Chế Quang D là tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Theo bà Nguyễn Thị H quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do ông D thường xuyên uống rượu, về chửi bới và đánh đập bà và không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Từ 2012 đến nay vợ chồng sống ly thân, tình cảm không còn nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đồng viên bà H vì con trở lại đoàn tụ với ông D nhưng bà kiên quyết không đồng ý. Về phía ông Chế Quang D yêu cầu đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập hợp lệ không có mặt là thể hiện thái độ không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Chế Quang D.

[4] Về con chung: Giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Chế Quang D có 02 con chung là Chế Quang T, sinh ngày 07/7/1995 và Chế Thu H, sinh ngày 24/9/2003. Xét con tên Chế Quang T, sinh ngày 07/7/1995 đã thành niên, đối với con tên Chế Thu H, sinh ngày 24/9/2003 đủ 7 tuổi Tòa án lấy lời khai cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà H, giao bà Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu ông Chế Quang D cấp dưỡng nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không có tranh chấp nên không đề cập.

[6] Về án phí : Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Chế Quang D.

2- Về con chung: Giao con chung tên Chế Thu H, sinh ngày 24/9/2003 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0017011 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt), bà H đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Chế Quang D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đà Lạt;
- UBND phường B.Tp.Đà Lạt
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký tên và đóng dấu**

**Đoàn Thị Tuyết Nga**

